

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (Nº): **18KMC/215550**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and
environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe (For registration fee and registration formalities)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu (Importer): **Công ty Cổ phần Tổng công ty Vĩnh Phú**

Địa chỉ (Address): **990 (lầu 2), xa lộ Hà Nội, Khu Phố 2, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): **Xe lu rung**

Nhãn hiệu (Trade mark): **HAMM**

Mã kiểu loại (Model code): **HD+140VV**

Tên thương mại (Commercial name): **HD+140VV**

Số khung (Chassis N°): **H1840627**

Số động cơ (Engine N°): **11156095**

Nước sản xuất (Production country): **GERMANY**

Năm sản xuất (Production year): **2012**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N°/date): **102086147811 / 29/06/2018**

Thời gian/địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): **04/07/2018 / Tỉnh Đồng Nai**

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N°): **005965/18MC-067/001**

Số đăng ký kiểm tra (Registered N° for inspection): **005965/18MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	13100	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	5000x2260x3050	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	TCD 2012 L04 2V, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	100/2300	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed):	12,0	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	159 (*)	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	0,84	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	40	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	1 / 1400x2140	mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	1 / 1400x2140	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N° 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

Ghi chú (Remarks):

(Date) Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2018

(*) Xe lu rung có 2 trống rung trên 2 bánh lu, lực rung lớn nhất của một trống là: 159kN (16213kG).

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)

**KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Đông Phong